

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

A. Tiêu chuẩn đánh giá về hàng hóa:

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|--|--|
| 1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa | | |
| 1.1 Tính hợp lệ của hàng hóa dự thầu | <ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu phải đáp ứng mục Yêu cầu tại Chương V của E-HSMT- Hàng hóa có đầy đủ nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu... đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại chương V.- Đối với các thiết bị chính cung cấp cho gói thầu (loa hội trường, âm ly, micro, ti vi, bàn ghế, tủ, điều hòa,) có đầy đủ catalogue của nhà sản xuất thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật để tham chiếu thông số kỹ thuật chào thầu (nhà thầu ghi rõ catalogue lấy trực tiếp từ nhà sản xuất hoặc trên hệ thống bán hàng của nhà sản xuất; Chủ đầu tư chỉ chấp nhận các bản catalogue được nhà sản xuất phát hành, không chấp nhận các tài liệu do nhà thầu tự dựng lên hoặc dùng công nghệ photoshop)- Cam kết cung cấp đầy đủ:+ Hàng hóa nhập khẩu: Có đầy đủ chứng chỉ chất | Đạt |

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|--|--|
| | <p>lượng CO, CQ, chứng chỉ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu.</p> <p>+ Hàng hóa trong nước: Có đầy đủ chứng chỉ xuất xưởng, giấy tờ chứng minh tiêu chí kỹ thuật của hàng hóa.</p> <p>- Các tài liệu dự thầu phải được thể hiện bằng tiếng việt, trường hợp các tài liệu không phải là tiếng việt thì nhà thầu phải có bản dịch tiếng việt kèm theo.</p> <p>- Chủ đầu tư sẽ từ chối tất cả các sản phẩm, hàng hóa do nhà thầu cung cấp mà không có nguồn gốc rõ ràng, không đảm bảo chất lượng hoặc vi phạm các chính sách liên quan do Nhà nước ban hành như: Thuế, hải quan, môi trường.</p> | |
| | - Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 1.2 Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu tại Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật. | <p>- Có lập bảng so sánh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu.</p> <p>- Tất cả hàng hóa có đặc tính, thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chương V.</p> | Đạt |
| | - Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 2. Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa | | |
| Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa | <p>- Cam kết sẽ cung cấp hàng hóa mới 100% từ năm 2025 trở lại đây</p> <p>- Cam kết đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V</p> | Đạt |
| | - Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | | |
| Đáp ứng cung cấp hàng hóa phù hợp đặc trưng của đơn vị | <p>Có cam kết hàng hóa chào thầu đã bao gồm toàn bộ công vận chuyển, công lắp đặt và không phát sinh bất kỳ chi phí nào.</p> <p>Có giải pháp cung cấp, vận chuyển, lắp đặt, bàn</p> | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|---|--|
| | giao, đào tạo, chuyên giao công nghệ hàng hóa hợp lý phù hợp với gói thầu | |
| | - Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 4. Bảo hành, bảo trì | | |
| Thời gian bảo hành | - Có cam kết đáp ứng thời gian bảo hành hàng hóa theo yêu cầu tại E-HSMT - Thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất nhưng ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao cho Chủ đầu tư (trừ các hàng hóa có yêu cầu thời gian bảo hành riêng được nêu trong E-HSMT này). - Có cam kết trong thời gian bảo hành nếu các thiết bị liên tục sự cố trong vòng 20 ngày mà không khắc phục được phải đổi thiết bị mới. | Đạt |
| | Không có cam kết đáp ứng thời gian bảo hành hàng hóa của E-HSMT | Không đạt |
| Kết luận: | | |
| Đạt tất cả các yêu cầu nêu trên | | Đạt |
| Có một nội dung không đạt | | Không đạt |

B. Tiêu chuẩn đánh giá về xây lắp:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| 1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng: | | |
| 1.1. Đối với các vật tư, vật liệu sử dụng cho công trình (Cát, đá, gạch, xi măng, cốt thép) | Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ điều kiện cung cấp để cung cấp vật liệu cho gói thầu. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 1.2. Đối với các vật tư, thiết bị điện, nước, thiết bị vệ sinh, sơn, gạch lát, thiết bị PCCC | Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ điều kiện cung cấp để cung cấp vật liệu cho gói thầu. | Đạt |
| | Có bảng kê chi tiết về nguồn gốc xuất xứ | |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| | (model, hãng sản xuất, nước sản xuất, năm sản xuất..) đầy đủ đáp ứng yêu cầu các kỹ thuật nêu tại chương V và của gói thầu. | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2. Giải pháp kỹ thuật: | | |
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, liên lạc trong quá trình thi công | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 2.2. Giải pháp Thi công các hạng mục | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 3. Biện pháp tổ chức thi công: | | |
| 3.1. Bản vẽ mô tả biện pháp thi công | Có bản vẽ đầy đủ, khả thi | Đạt |
| | Không có bản vẽ, hoặc có nhưng không đầy đủ | Không đạt |
| 3.2. Thuyết minh các biện pháp kỹ thuật công nghệ thi công các hạng mục chính theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật. Bố trí nhân lực máy móc thiết bị thi công hợp lý theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật | Có đề xuất về biện pháp, công nghệ thi công theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 4. Tiến độ thi công: | | |
| 4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 240 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 240 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 240 ngày. | Không đạt |
| 4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). | Đạt |
| | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| và tiến độ thi công | | |
| 4.3. Biểu tiến độ thi công; biểu đồ huy động nhân lực; biểu đồ huy động từng loại thiết bị chính hợp lý khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT | Có Biểu tiến độ thi công; biểu đồ huy động nhân lực; biểu đồ huy động từng loại thiết bị chính hợp lý khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 5. Biện pháp bảo đảm chất lượng: | | |
| 5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công công trình: - Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công - Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão. - Sửa chữa hư hỏng. | Có các biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 5.2. Biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán. | Có biện pháp quản lý hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường: | | |
| 6.1. An toàn lao động: Biện pháp quản lý an toàn trên công trường: - Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công - An toàn giao thông ra vào công trường - Bảo vệ an ninh công trường, quản lý nhân lực, thiết bị - Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề - Bảo vệ các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh | Có các biện pháp quản lý an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| - An toàn cho cư dân xung quanh công trường | | |
| 6.2. Phòng cháy, chữa cháy: Biện pháp Phòng chống cháy nổ trong và ngoài công trường | Có biện phòng chống cháy nổ hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 6.3. Vệ sinh môi trường: Biện pháp quản lý môi trường: - Tiếng ồn - Bụi, khói - Rung - Kiểm soát nước thải các loại - Kiểm soát rò rỉ dầu mỡ, hóa chất - Kiểm soát rác thải, nhà vệ sinh của công nhân trên công trường | Có các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |